TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2019
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Bình

Bà Pang Ting Suyl

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn M**. Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà **Cao Thị G**. Sinh năm:1978.

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông M có mặt, bà G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn ông Trần Văn M trình bày: Ông Trần Văn M và bà Cao Thị G xây dựng gia đình với nhau vào tháng 01/1997, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 06/01/1997. Quá trình chung sống vợ chồng

ông bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và thường hay cãi nhau và đến cuối năm 2013 bà G đã tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ông đã cố gắng để bà G suy nghĩ lại và quay về đoàn tụ gia đình nhưng bà G vẫn không quay về mà bỏ đi luôn cho đến bây giờ. Trong thời gian sống ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay ông nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên ông M yêu cầu được ly hôn với bà G.

Về con chung ông Minh xác định vợ chồng có hai con chung là Trần Cao Bảo P, sinh ngày 20/5/1998 và Trần Cao Bảo K, sinh ngày 24/12/2004. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con là Trần Gia Bảo K, sinh ngày 24/12/2004, không yêu cầu bà G phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Trần Cao Bảo P, sinh ngày 20/5/1998 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông M xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung ông M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Cao Thị G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, nhưng bà G đều không có văn bản trình bày cụ thể ý kiến của mình gửi cho Tòa án và đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập. Qua xác minh người thân của bà G thì được biết vợ chồng ông M, bà G có phát sinh mâu thuẫn vào khoảng năm 2013, nguyên nhân chủ yếu là do ông M thường xuyên uống rượu về nhà thì chửi bới đánh đập bà G, do không chịu được nên bà G đã bỏ nhà đi làm ăn xa từ năm 2013 và vợ chồng đã tự sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian này hai bên cũng không đi lại để cải thiện quan hệ vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà G vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con là Trần Cao Bảo K, sinh ngày 24/12/2004 và không yêu cầu bà G phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung ông M không yêu cầu giải quyết còn bà G vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn M. Về con chung: Giao con chung Trần Cao Bảo K, sinh ngày 24/12/2004 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Bà G không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung do ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Bà Cao Thị G đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Cao Thị G theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Văn M và bà Cao Thị G xây dựng gia đình với nhau vào tháng 01/1997, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 06/01/1997. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên ông M làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn bà G vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai.

Xét thấy, vợ chồng ông M và bà G phát sinh mâu thuẫn là do ông M thường hay uống rượu say sỉn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Đồng thời, do cả đôi bên đều không cố gắng tìm biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng nên mâu thuẫn kéo dài và bà G đã bỏ đi từ năm 2013 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng. Mặt khác, bà G cũng không có thiện chí để cải thiện quan hệ hôn nhân này, cụ thể trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà G nhưng bà G đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông M, xử cho ông Trần Văn M và bà Cao Thị G được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung:* Ông Trần Văn M và bà Cao Thị G có hai con chung là Trần Cao Bảo P, sinh ngày 20/5/1998 và Trần Cao Bảo K, sinh ngày 24/12/2004. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với con là Trần Cao Bảo P, còn con chung là Trần Cao Bảo K thì ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, không yêu cầu bà G phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Trần Cao Bảo P đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình

thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giao cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của ông M và bà G đối với con.

Đối với cháu K hiện nay đã trên 07 tuổi lại có nguyện vọng được sống với ông M khi bố mẹ không chung sống với nhau. Hơn nữa, lâu nay cháu K vẫn sống cùng ông M. Vì vậy, cần xem xét tiếp tục giao con là Trần Cao Bảo K cho ông M có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do ông Minh không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông M yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về vấn đề tài sản chung, về nợ chung không có. Vì vậy, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn bà G không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] *Về án phí:* Buộc ông Trần Văn M phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Trần Văn M, xử cho ông Trần Văn M và bà Cao Thị G được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Cao Bảo K, sinh ngày 24/12/2004 cho ông Trần Văn M có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Bà Cao Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo

quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Trần Văn M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Trần Văn M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000886 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, ông M đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Báo cho ông Trần Văn M biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/4/2019). Riêng bà Cao Thị G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã T;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy